

TUẦN 7**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Sinh hoạt dưới cờ: Chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10 (tiết 19)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Tham gia hát tập thể, chơi trò chơi chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10.
- Trò chuyện về lịch sử và ý nghĩa ngày Phụ nữ Việt Nam.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động mở đầu: Khởi động (3 - 5')**

- Chào cờ, hát quốc ca, đội ca, ổn định chỗ ngồi.

2. Hoạt động thực hành, luyện tập (20 - 25')

- Cả lớp hát bài “Em đi đưa cơm cho mẹ em đi cày”.
- GV dẫn dắt vào trò chơi Game về ngày 20/10.
- GV tổ chức trò chuyện về lịch sử và ý nghĩa ngày Phụ nữ Việt Nam.
- GV tổng kết chương trình, khen thưởng các HS đã thực hiện và đạt kết quả tốt.

Hoạt động tổng kết, dặn dò (3 - 5')

- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học. Giao nhiệm vụ chuẩn bị cho tiết học sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

..

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Hoạt động giáo dục theo chủ đề: **Cảm xúc của em (tiết 20)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Thông qua hoạt động:

- HS nhận ra được những cảm xúc mà mình có thể kiểm soát hoặc chưa thể kiểm soát.
- Chia sẻ được những tình huống mà mình đã kiểm soát được cảm xúc.
- Tự đánh giá được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.
- Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia

các hoạt động trong lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, tranh ảnh, ...

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động (3 – 5')

- GV cho HS xem video về cảm xúc.

https://youtu.be/FzJ_U3RTutc

- GV tổ chức cho HS các nhóm chia sẻ cảm xúc và tình huống thể hiện cảm xúc các em đã gặp.

- GV mời đại diện 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

- GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài học: *Cảm xúc luôn tồn tại trong mỗi chúng ta và việc kiểm soát chúng là một nhiệm vụ quan trọng, chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé – Tuần 7 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Cảm xúc của em.*

2. Hoạt động hình thành kiến thức (20 - 25')

Hoạt động 1: Chia sẻ trải nghiệm cảm xúc của em

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận ra được những cảm xúc mà mình có thể kiểm soát hoặc chưa thể kiểm soát.

b. Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: Kể về các tình huống tương ứng với các trạng thái cảm xúc của em trong những ngày qua

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm (4 – 6 HS).
- GV nêu nhiệm vụ của hoạt động:
- + Các nhóm quan sát vòng tròn các cảm xúc trong SGK tr.21.



- + Lựa chọn các cảm xúc em có trong những ngày gần đây.

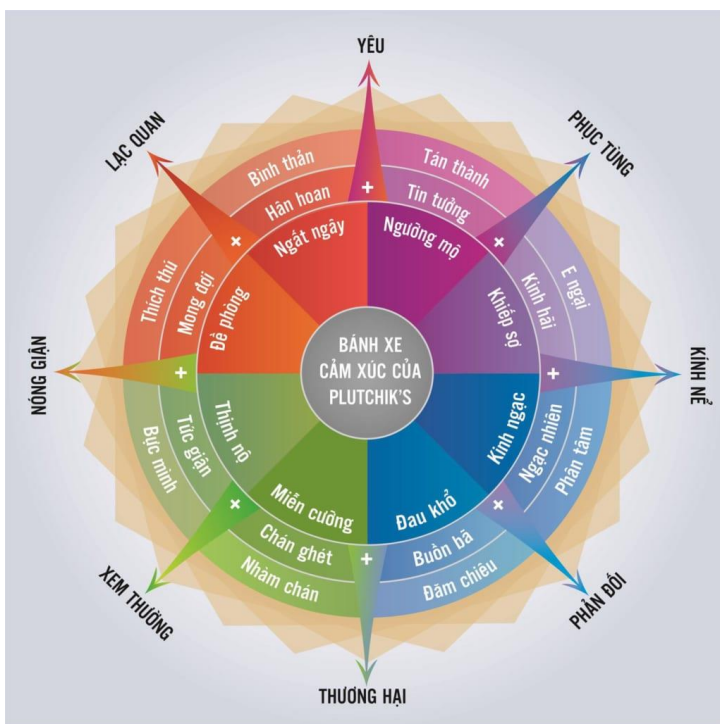
- + Kể lại các tình huống tương ứng với các trạng thái cảm xúc mình gặp phải.
- + Nêu những cảm xúc mà em có thể kiểm soát hoặc chưa thể kiểm soát được.

Nhiệm vụ 2: Trao đổi với bạn về những cảm xúc mà em có thể kiểm soát hoặc chưa thể kiểm soát.

- GV mời đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp.
- GV đưa ra các gợi ý cụ thể cho HS chia sẻ như sau:
- + Em đã trải qua những cảm xúc gì trong những ngày gần đây? Trong tình huống cụ thể nào?
- + Em có thể hay chưa thể kiểm soát cảm xúc đó? Vì sao?
- GV kết luận: *Trong cuộc sống hằng ngày, các em sẽ gặp rất nhiều tình huống khác nhau và trải qua nhiều trạng thái cảm xúc. Trong số đó, sẽ có những cảm xúc các em kiểm soát tốt và có những cảm xúc các em chưa thể kiểm soát được. Việc kiểm soát được cảm xúc sẽ giúp các em giữ được tinh thần luôn vui vẻ, an yên.*
- GV cho HS nghe bài hát về cảm xúc và vận động theo nhạc tại chỗ:

https://youtu.be/IiBQACx_qck

- GV trình chiếu cho HS xem về *Bánh xe cảm xúc*



Hoạt động 2: Nhận diện khả năng kiểm soát cảm xúc

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:

- Chia sẻ được những tình huống mà mình đã kiểm soát được cảm xúc.
- Tự đánh giá được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.

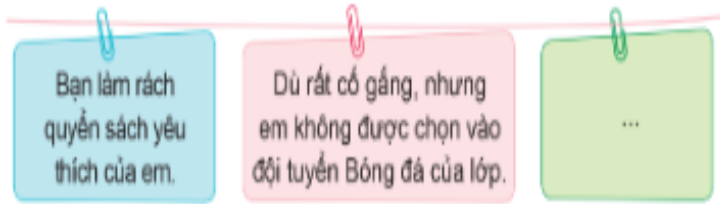
b. Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: Nêu các tình huống cần kiểm soát cảm xúc trong cuộc sống hằng ngày

- GV nêu nhiệm vụ làm việc cá nhân: *Suy nghĩ và ghi ra giấy các tình huống cần*

kiểm soát cảm xúc trong cuộc sống hằng ngày.

- GV tổ chức cho HS trao đổi giấy với bạn ngồi cạnh.
- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp về các tình huống cần kiểm soát cảm xúc. HS khác lắng nghe, nhận xét.
- GV nhận xét, đánh giá và ghi nhận đáp án hợp lí:



Nhiệm vụ 2: Chia sẻ về những tình huống mà em đã kiểm soát được cảm xúc

- GV tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm về những tình huống mà bản thân đã kiểm soát được cảm xúc.
- GV gợi ý HS chia sẻ theo các ý:
 - + Nguyên nhân, bối cảnh diễn ra tình huống.
 - + Những lời nói, việc làm, thái độ của em trong tình huống.
 - + Kết quả khi em kiểm soát được cảm xúc.
- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp về những tình huống mà bản thân đã kiểm soát được cảm xúc.



- GV cho HS xem video về tầm quan trọng của việc kiểm soát cảm xúc.

<https://youtu.be/8rXA2wpXw2o>

- GV đặt câu hỏi mở rộng và yêu cầu HS làm việc nhóm trả lời câu hỏi:
 - + Nhân vật nam trong câu chuyện đã mất không kiểm soát được bản thân trong tình huống nào?
 - + Hậu quả của hành động khi mất kiểm soát của nhân vật là gì?
 - + Nhân vật đã có cảm xúc gì sau khi thực hiện hành động khi không kiểm soát được cảm xúc?
 - + Em thấy việc kiểm soát cảm xúc trong các tình huống cuộc sống có ý nghĩa như thế nào?
- GV mời đại diện HS chia sẻ trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến

(nếu có).

- GV đánh giá, nhận xét, đưa ra đáp án:

+ *Nhân vật nam đã mất kiểm soát cảm xúc trong tình huống cậu con trai chơi đồ chơi và đi lại trước tivi khi nhân vật nam đang xem bóng đá.*

+ *Những cảm xúc tiêu cực bị dồn nén qua một số tình huống khác như: người vợ làm đổ cà phê vào nhân vật nam, con trai vẽ ra bàn.*

+ *Hậu quả của việc không kiểm soát được cảm xúc đã khiến nhân vật nam gây tổn thương về cả thể xác lẫn tinh thần cho người con trai. Hơn thế nữa, nhân vật chính đã phải sống cô đơn khi về già.*

+ *Nhân vật nam đã bàng hoàng khi thấy vết thương mình gây ra cho con trai và sau đó là sự ân hận, hối tiếc.*

+ *Việc kiểm soát cảm xúc bản thân trong cuộc sống là vô cùng quan trọng. Nó không chỉ giúp ta có cách nhìn, giải quyết đúng đắn các tình huống mà còn tránh những hậu quả đáng tiếc xảy ra, khiến ta phải hối hận, trả giá.*

Nhiệm vụ 3: Tự đánh giá khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân

- GV cho HS quan sát bảng phụ có ghi 3 mức độ kiểm soát cảm xúc.

Kiểm soát cảm xúc tốt	Luôn giữ được bình tĩnh và không có hành động tức thời do cảm xúc tiêu cực gây ra
Kiểm soát cảm xúc trung bình	Trong một số trường hợp giữ được bình tĩnh và không có hành động tức thời do cảm xúc tiêu cực gây ra
Kiểm soát cảm xúc chưa tốt	Không giữ được bình tĩnh và thường có hành động tức thời do cảm xúc tiêu cực gây ra

- GV giới thiệu và hướng dẫn HS cách đánh giá khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân theo 3 mức độ: tốt – trung bình – chưa tốt.

- GV tổ chức cho HS tiến hành tự đánh giá khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ kết quả tự đánh giá của mình. HS khác lắng nghe, nhận xét.

- GV kết luận: *Có rất nhiều tình huống nảy sinh trong cuộc sống hằng ngày ở nhà, ở trường và cộng đồng. Các em cần đánh giá được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân để có biện pháp thay đổi, điều chỉnh cảm xúc cho phù hợp giúp các em luôn giữ được bình tĩnh và không có hành động tức thời do cảm xúc tiêu cực gây ra.*

3. Hoạt động: Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')**Trò chơi đổ bạn!**

Câu 1: Em tán thành với ý kiến nào sau đây?

- A. Cảm xúc là trạng thái tâm lý phản ánh nội tâm của con người, bao gồm cảm nhận, tư duy.
- B. Cảm xúc là trạng thái tâm lý phản ánh nội tâm của con người, bao gồm cảm nhận, tư duy và phản ứng cơ thể.
- C. Cảm xúc là trạng thái tâm lý phản ánh nội tâm của con người, bao gồm cảm nhận và phản ứng cơ thể.
- D. Cảm xúc là trạng thái tâm lý phản ánh nội tâm của con người, bao gồm tư duy và phản ứng cơ thể.

Câu 2: Cách nào sau đây để cân bằng cảm xúc?

- A. Hít thở sâu để lấy lại bình tĩnh.
- B. Sống khép kín, hạn chế chia sẻ tâm trạng.
- C. Giữ im lặng, để tránh bộc lộ cảm xúc.
- D. Bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm nhận.

Câu 3: Cảm xúc được thể hiện qua điều gì?

- A. Biểu cảm, hành động.
- B. Lời nói, hành động.
- C. Biểu cảm, lời nói.
- D. Biểu cảm, lời nói, hành động.

Câu 4: Đây là tính từ biểu thị cảm xúc?

- A. Vui vẻ.
- B. Chăm chỉ.
- C. Cần cù.
- D. Siêng năng.

Câu 5: Theo em có những nhóm cảm xúc nào?

- A. Tích cực, tiêu cực, cân bằng.
- B. Tích cực, tiêu cực.

C. Tích cực, tiêu cực, phức tạp.

D. Tích cực, tiêu cực, trung lập.

- GV mời 2 -3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.

- GV nhận xét, chốt đáp án:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	A	D	A	C

- Nhận xét, củng cố sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Sinh hoạt lớp: Chủ điểm 20/10 (tiết 21)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS chơi hăng hái tham gia sinh hoạt tập thể tại lớp.
- HS tham gia sinh hoạt lớp đánh giá nhận xét hoạt động trong tuần 6.
- Nắm được kế hoạch tuần 7.
- Sáng tạo quà tặng mẹ, bà và cô giáo.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh ảnh, tư liệu tuần học vừa qua, giấy màu, cốc, kẹo, ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động (3 - 5')

- GV mở bài hát “Con yêu mẹ nhiều” để khởi động bài học.
- + GV cùng chia sẻ với HS về nội dung bài hát.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Luyện tập, thực hành (20 - 25')

* Hoạt động 1: Sơ kết hoạt động trong tuần.

- GV nhận xét chung về tình hình hoạt động của lớp trong tuần.
 - Ưu điểm:
- Các em đi học đầy đủ, đúng giờ.

- Vệ sinh cá nhân, trường lớp sạch sẽ.
- Làm bài tập về nhà đầy đủ....
- Nhược điểm:
 - Tuy có nhiều ưu điểm nhưng vẫn còn tồn tại một số vấn đề như sau:
 - + Vẫn còn tồn tại việc nói chuyện riêng trong giờ học.
 - + Còn có những học sinh về nhà chưa làm bài tập.
 - + Có nhiều học sinh chưa chuẩn bị bài trước khi đến lớp....

*** Hoạt động 2: Xếp loại thi đua trong tuần.**

- Các tổ tự bình xét thi đua trong tuần dưới sự điều khiển của tổ trưởng.

*** Hoạt động 3: Kế hoạch tuần 7**

- Tiếp tục phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.
- Tham gia chương trình lớp học xanh.
- Tham gia tích cực trang trí lớp chào đón chuẩn bị năm học mới.

• **Sinh hoạt theo chủ đề:**

Hoạt động: Học sinh sáng tạo món quà tặng mẹ, tặng bà từ những đồ đã chuẩn bị như: Cốc giấy, kẹo, ảnh in,

- GV hướng dẫn và định hướng cho HS; HS cùng thực hiện
- GV gợi mở cách để giúp HS thể hiện tình cảm tới người Phụ nữ mình yêu quý nhân ngày 20/10.
- GV nhận xét và tổng kết hoạt động.
- Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

CÔNG NGHỆ

Bài 2: NHÀ SÁNG CHẾ (TIẾT 6)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Vòng quay may mắn”

- Cách chơi: GV cho HS chọn bất kì 1 trong 3 câu hỏi và trả lời nếu trả lời đúng sẽ quay vòng quay để nhận phần thưởng, trả lời sai sẽ nhường quyền trả lời cho HS khác

+ Câu 1: Ai là người sáng chế ra động cơ hơi nước?

+ Câu 2: Bóng đèn sợi đốt của Tô-mát Ê-đi-xon được cấp bằng sáng chế vào năm nào?

+ Câu 3: Nhà sáng chế A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo là người nước nào?

- GV nhận xét, khen HS tham gia chơi đồng thời dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25’)

- Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận theo nhóm 4 lựa chọn các thẻ mô tả đức tính cần có để trở thành một nhà sáng chế.



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- Yêu cầu các nhóm khác nhận xét

- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:

Một số đức tính để trở thành nhà sáng chế là: kiên trì, tò mò khoa học, chịu khó quan sát, chăm chỉ, đam mê, không ngại thất bại, thông minh, sáng tạo, nghị lực, ham học hỏi

- HS hoạt động nhóm đôi.

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- GV nhận xét, tuyên dương

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5’)

- GV cho HS đọc câu chuyện “*Chiếc máy tính điện tử đầu tiên*”
- Yêu cầu HS về nhà chia sẻ cùng người thân về những sáng kiến mà em biết và những đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế mà em có thể học tập
- Nhận xét, đánh giá tiết dạy.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

CÔNG NGHỆ

Bài 3: TÌM HIỂU THIẾT KẾ (TIẾT 7)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận thức được muốn tạo ra sản phẩm công nghệ cần phải thiết kế, thiết kế là quá trình sáng tạo.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi “Chín người mười ý”

Luật chơi

- GV đưa ra yêu cầu:
 - + Hãy vẽ một bức tranh gồm có các hình sau: một hình vuông, một hình tam giác, một hình chữ nhật, hình tròn, sáu đường thẳng.
 - + Sau 3 phút HS đi tìm những bạn có bức tranh giống ý tưởng của mình và đứng thành nhóm.
- GV mời một số nhóm trình bày ý tưởng bức tranh của mình.

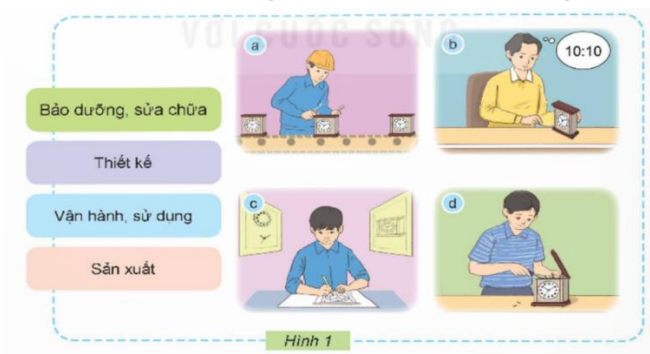


- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:

Mỗi bức tranh của các em đều được vẽ lên bằng những hình cơ bản giống nhau nhưng với những ý tưởng khác nhau lại tạo ra những bức tranh có ý nghĩa khác nhau, rất đa dạng và phong phú. Đó chính là hoạt động thiết kế. Ngày hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Tìm hiểu thiết kế”.

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức (8 – 10’)

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm. Mỗi nhóm quan sát một bức tranh trong Hình 1 (SGK trang 14) và mô tả về nội dung của bức tranh. Sau đó nhóm ghi tên hoạt động của nhân vật trong bức tranh vào bảng con.



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- GV yêu cầu đại diện 4 nhóm thảo luận nhanh với nhau để xác định vị trí đứng của mình theo thứ tự các bước tạo ra sản phẩm công nghệ.
- GV nhận xét, tuyên dương và chốt ý kiến: ***Muốn tạo ra sản phẩm công nghệ cần phải bắt đầu từ việc thiết kế sản phẩm.***
- GV yêu cầu các học sinh làm việc theo nhóm, quan sát Hình 2 và trả lời các câu hỏi:
 - + Hãy nêu sự khác nhau về kiểu dáng, màu sắc của những chiếc đồng hồ trong Hình 2.
 - + Hoạt động nào tạo nên sự khác nhau của những sản phẩm đó?



Hình 2

- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau.
- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:

Thiết kế là quá trình sáng tạo để tạo ra sản phẩm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của con người.

3. Hoạt động Thực hành, luyện tập (10 – 15')

- GV tổ chức trò chơi:
- Luật chơi:
- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, mỗi nhóm tìm những sản phẩm công nghệ trong lớp có cùng mục đích sử dụng. HS so sánh thiết kế của các sản phẩm công nghệ cùng nhóm với nhau và giải thích vì sao có sự khác nhau đó.
- GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.

4. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV mời HS chia sẻ về một số sản phẩm công nghệ của gia đình em ở nhà có cùng mục đích sử dụng và nêu sự khác nhau của những sản phẩm đó.
- GV nhận xét tuyên dương.
- Nhận xét sau tiết dạy.
- Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

ĐẠO ĐỨC

BÀI 2: EM TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC (Tiết 7)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc) của người khác.
- Biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.

- Thể hiện được bằng lời nói, hành động và thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.
- Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV chuẩn bị một số phiếu ghi thông tin (khoảng 4 phiếu), mỗi phiếu ghi tên 1 HS trong lớp.
- GV chọn một số HS có những điểm khác biệt đặc trưng so với các bạn khác về đặc điểm ngoại hình, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...
- GV mời 2 HS tham gia (1 nam, 1 nữ), mỗi em bốc 1 phiếu và mô tả đặc điểm của bạn có tên trong phiếu.
- GV mời các bạn còn lại đoán tên của “người bí ẩn” trong phiếu.
- GV nêu câu hỏi cho cả lớp: *Vì sao các em tìm được người bí ẩn trong trò chơi này?*
- GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có)
- GV dẫn dắt HS vào bài học

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23-25')

Bài tập trắc nghiệm:

- GV cho HS làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau:

Câu 1: Điều nào cần phải tôn trọng khi đó là điểm khác biệt của mọi người xung quanh?

- A. Hành vi thiếu văn minh.
- B. Hành vi gây rối trật tự công cộng.
- C. Đặc điểm cá nhân.
- D. Hành vi trái pháp luật.

Câu 2: Nội dung nào dưới đây **đúng** khi nói về biểu hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác?

- A. Tâm thường xuyên từ chối tham gia các hoạt động tập thể vì bạn bè hay nói những lời không hay về hình thể của mình.
- B. Mỗi lần bị các bạn trêu chọc vì vóc dáng nhỏ bé, Tân đều được Phong đứng ra bênh vực.
- C. Vân luôn tự ti vì các bạn chê mình bị ngọng và không chơi cùng.
- D. Vì Vân thích chơi violin nên bạn không ủng hộ em gái chơi vì sợ ảnh hưởng đến học tập.

Câu 3: Nội dung nào dưới đây đúng khi nói về lí do cần tôn trọng sự khác biệt của người khác?

- A. Nâng cao được vị thế của mình trong cộng đồng và nhận được lời cảm ơn của người được giúp đỡ.
- B. Tạo được sự tin tưởng, ca ngợi của mọi người khi bản thân có lối sống lành mạnh, văn minh.
- C. Thể hiện sự cao thượng, phẩm chất tốt đẹp cả bản thân trong mắt mọi người xung quanh.
- D. Thể hiện sự văn minh của bản thân đồng thời giúp cho mọi người có cuộc sống hòa hợp, giá trị hơn.

Câu 4: Em đồng tình với hành động nào?

- A. Mai đang chơi với một nhóm bạn thì thấy Lâm đi qua. Mia định rủ Lâm chơi cùng thì một bạn trong nhóm nói “Chơi với Hà làm gì! Bạn ấy nhút nhát lắm”.
- B. Lan và Hoa cùng tham gia đội văn nghệ của trường. Lan nói rằng sau này muốn trở thành nghệ nhân quan họ thì Hoa che bai vì cho rằng Lan hát không hay.
- C. Cuối tuần, hai chị em Minh được mẹ đưa đi mua quần áo dịp tết. Thấy chị chọn chiếc áo màu hồng Minh cho rằng chị không phù hợp với nó.
- D. Lớp em có một bạn khuyết tật phải ngồi xe lăn nhưng các bạn hòa nhập và luôn giúp đỡ bạn trong cuộc sống và học tập.

Câu 5: Thái có cơ thể mập mạp nên khi các gọi bạn gọi vào sân đá bóng, bạn sợ mình chạy không nhanh sẽ khiến đội bị thua. Thấy vậy, Minh nói “Đừng lo! Bạn có thể di chuyển không nhanh nhưng có khả năng tranh chấp tốt hơn bọn tớ.” Câu nói của Minh thể hiện điều gì?

- A. Thể hiện sự tôn trọng, nhìn nhận mặt tích cực của sự khác biệt mà bạn có.
- B. Thể hiện sự đồng cảm, trân trọng những đóng góp của bạn cho đội.
- C. Thể hiện sự nhiệt tình, chân thành trong tình bạn.
- D. Thể hiện sự quan tâm, sẻ chia những khó khăn với bạn.

- GV mời 2 - 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.

- GV nhận xét, chốt đáp án:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	C	B	D	D	A

Bài tập 1: Đưa ra ý kiến

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc yêu cầu bài tập 2 và trả lời câu hỏi: *Em đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ nào dưới đây? Vì sao?*

- a. Luôn tôn trọng sở thích của người khác.
- b. Luôn vui vẻ, hoà đồng khi tham gia các hoạt động tập thể.
- c. Không thích chơi với những bạn nói giọng địa phương.
- d. Phân biệt đối xử với những bạn có khiếm khuyết về ngoại hình.
- e. Luôn giúp đỡ những bạn có hoàn cảnh khó khăn.
- g. Không phân biệt đối xử với người có màu da hay dân tộc khác.

- GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận:

- a. *Đồng tình vì việc tôn trọng sở thích cá nhân của người khác cũng chính là tôn trọng điểm khác biệt trong sở thích của mọi người.*
- b. *Đồng tình vì việc tham gia các hoạt động tập thể giúp chúng ta gắn kết, yêu thương, tôn trọng sự khác biệt của các mọi người để cùng nhau tạo ra một tập thể đoàn kết.*
- c. *Không đồng tình vì điều này thể hiện sự phân biệt, thiếu tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm giọng nói của các vùng miền khác nhau.*
- d. *Không đồng tình vì việc phân biệt đối xử với những bạn có khiếm khuyết về ngoại hình là hành động không tôn trọng sự khác biệt của người khác.*

e. Đồng tình vì hành động giúp đỡ những bạn có hoàn cảnh khó khăn không chỉ thể hiện sự cảm thông, lòng nhân ái mà còn thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh.

g. Đồng tình vì không phân biệt đối xử với người có màu da hay dân tộc khác thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt của mọi người.

Bài tập 2: Nhận xét các ý kiến

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để nhận xét các ý kiến.

Em hãy đưa ra nhận xét của mình trong các tình huống sau đây và giải thích lí do của mình.

- GV mời đại diện HS phát biểu, nêu ý kiến. Các HS khác lắng, nhận xét, bổ sung ý kiến

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận:

a. Đúng vì có lời nói, việc làm phân biệt đối xử với người khác là không văn minh.

b. Sai vì sự khác biệt về tính cách, thói quen,...không đồng nghĩa với tính cách nổi loạn, thói hư tật xấu. Nếu một người có hành vi không đúng chuẩn mực, ta cần góp ý, nhận xét người đó.

c. Đúng vì để tôn trọng sự khác biệt của người khác cần có sự thống nhất từ suy nghĩ, lời nói cho đến hành động.

d. Đúng vì việc tôn trọng sự khác biệt của người khác sẽ nhận được sự tôn trọng và yêu quý của mọi người.

e. Đồng ý vì việc tôn trọng sự khác biệt giúp mọi người vui vẻ, đoàn kết và cuộc sống trở nên phong phú, ý nghĩa hơn.

Bài tập 3: Xử lí tình huống

- GV chia HS thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Nhóm 1: Đọc và xử lí tình huống 1.

Lớp 5A được giao nhiệm vụ chuẩn bị các tiết mục văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11. Linh không đồng ý nhận Bình vào nhóm của mình vì cho rằng Bình chậm chạp, sẽ làm ảnh hưởng đến nhóm. Nếu là thành viên của nhóm, em sẽ làm gì?

+ Nhóm 2: Đọc và xử lí tình huống 2.

Khánh ít nói, hay ngồi một mình. Lực và một số bạn trong lớp không thích chơi cùng vì cho rằng Khánh không hoà đồng, xem thường người khác. Nếu là bạn cùng lớp, em sẽ khuyên Lực và các bạn như thế nào?

+ Nhóm 3: Đọc và xử lý tình huống 3.

Trong các cuộc thảo luận, Hương thường không lắng nghe ý kiến của các bạn vì cho rằng ý kiến của mình luôn đúng, còn ý kiến mọi người đều sai. Khi các bạn góp ý, Hương nói đó là tính cách riêng của mình và không muốn thay đổi. Nếu là bạn của Hương, em sẽ làm gì?

+ Nhóm 4: Đọc và xử lý tình huống 4.

Hôm nay, cô giáo tổ chức cho các bạn chia sẻ về ước mơ của mình trong tương lai. Lần lượt các bạn đều mong muốn trở thành bác sĩ, giáo viên... Đến lượt mình, Toàn vui vẻ nói: "Em ước mơ trở thành đầu bếp nổi tiếng ạ. Nghe thế, Thịnh và một số bạn bật cười, vì cho rằng việc nấu ăn thường chỉ dành cho phụ nữ. Nếu chứng kiến việc làm của Thịnh và các bạn, em sẽ làm gì?

- GV khuyến khích HS xây dựng kịch bản, đóng vai và xử lý tình huống.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi tình huống của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi cho nhóm bạn (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận:

+ Tình huống 1: Em nên góp ý với bạn Linh về việc bạn Bình tham gia thể hiện tinh thần tập thể đáng trân trọng. Không nên chỉ vì sự đánh giá chủ quan của Linh về Bình là chậm chạp mà từ chối Bình. Điều đó thể hiện thiếu tôn trọng sự khác biệt của Bình.

+ Tình huống 2: Em góp ý với Lực rằng Khánh ít nói và hay ngồi một mình không có nghĩa bạn ấy không hòa đồng, xem thường người khác mà có thể do tính cách nhút nhát của bạn. Lực và các bạn nên tôn trọng sự khác biệt về tính cách và chủ động chơi cùng bạn.

+ Tình huống 3: Em nên khuyên Hương phân biệt giữa việc mọi người tôn trọng cá tính riêng của mình và việc bảo thủ, thiếu tôn trọng với ý kiến của mọi người. Bạn nên lắng nghe, chắt lọc, tiếp thu những ý kiến đúng và thay đổi để tiến bộ, hoàn thiện bản thân hơn.

+ *Tình huống 4: Em nên góp ý cho các bạn các ngành nghề, người lao động đều đáng được tôn trọng và tôn vinh. Không nên phân biệt về công việc, giới tính đó là hành động thể hiện sự tôn trọng với sự khác biệt của mỗi người.*

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

+ Thể hiện được bằng lời nói, hành động và thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.

+ Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc

- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

KHOA HỌC

Bài 7: VAI TRÒ CỦA NĂNG LƯỢNG (TIẾT 13)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Năng lực khoa học tự nhiên: Trình bày được một số nguồn năng lượng thông dụng và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hàng ngày.

- Vận dụng được kiến thức về năng lượng trong cuộc sống thực tế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV tạo tình huống tổ chức sinh nhật một bạn hoặc các bạn cùng sinh nhật trong tháng ở lớp, giáo viên thắp nến bánh sinh nhật và cho cả lớp hát chúc mừng sinh nhật. Sau đó, giáo viên tặng cho học sinh một món quà là chiếc ô tô đồ chơi giáo viên hỏi:

- Để chúc mừng sinh nhật bạn, các em vừa có những hoạt động gì?

- Để thực hiện các hoạt động hát, nhảy vận động đó, chúng ta lấy năng lượng từ đâu?
- GV mời một số học sinh trình bày.
- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:
- Năng lượng các em đã kể được lấy từ đâu? Con người sử dụng các năng lượng đó trong cuộc sống như thế nào?

Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Vai trò của năng lượng”.

- GV giới thiệu bài, ghi bảng.

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức (8 – 10’)

2.1. Tìm hiểu một số nguồn năng lượng:

- GV yêu cầu học sinh đọc nội dung khung thông tin, mời một học sinh đọc trước lớp.
- Giáo viên phân tích nội dung thông tin thông qua các hoạt động thực tế đã tổ chức ở phần mở đầu.
- GV mời học sinh được tặng xe ô tô đồ chơi lên thực hiện cho các bạn quan sát và hỏi: Khi đẩy chiếc ô tô em thấy có hiện tượng gì xảy ra? Vật nào đã cung cấp năng lượng cho hoạt động đó?
- Khi thả nến ở bánh gatô, vì sao ta lại thấy có ánh sáng phát ra và tỏa nhiệt?
- GV dẫn dắt, tay ta làm cho xe chạy, ngọn nến cháy tỏa ra ánh sáng... Tay ta, ngọn nến cháy được gọi là nguồn năng lượng. Trong cuộc sống hàng ngày còn có nhiều nguồn năng lượng khác. Chúng ta sẽ tìm hiểu ở hoạt động tiếp theo.
- HS quan sát hình 1, thảo luận nhóm nêu tên nguồn năng lượng cung cấp cho hoạt động của con người, động vật, thực vật, máy móc ở mỗi hình:



- GV sử dụng các câu hỏi gợi mở cho học sinh thảo luận:
- Hình 1a mặt trời có vai trò như thế nào đối với cây rau?
- Hình 1b: Xe máy chạy được nhờ có nguồn năng lượng nào?
- Hình 1c con trâu lấy nguồn năng lượng từ đâu để sống và phát triển?
- Hình 1d chong chóng quay được là nhờ nguồn năng lượng nào?
- Hình 1e để nấu chín cơm bằng nồi cơm điện cần lấy năng lượng từ đâu?
- Hình 1g cọn nước lấy nguồn năng lượng từ đâu để quay?

GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

****GV kết luận: Khi đẩy một chiếc xe đồ chơi tay ta đã cung cấp năng lượng làm xe chuyển động. Khi thắp nến ta thấy ánh sáng tỏa ra vì ngọn nến đã cung cấp năng lượng cho việc phát sáng và tỏa nhiệt. Con người, động vật, thực vật đều cần năng lượng để sống và phát triển.***

- GV nhận xét, tuyên dương.
- Giáo viên yêu cầu học sinh dựa vào kiến thức đã biết và tìm hiểu thông tin về các nguồn năng lượng khác, yêu cầu thảo luận nhóm, các nhóm vẽ viết về một số nguồn năng lượng có ở xung quanh em vào vào khổ giấy A3 theo gợi ý:
- Tên nguồn năng lượng.
- Vai trò của những nguồn năng lượng đó trong đời sống.
- Điều gì sẽ xảy ra nếu không có các nguồn năng lượng?
- Giáo viên yêu cầu các nhóm dán sản phẩm của nhóm lên bảng và 1 đến 2 nhóm

trình bày trước lớp về sản phẩm của nhóm mình.

- GV tổ chức cho các nhóm nhận xét lẫn nhau và bình chọn sản phẩm được yêu thích nhất.

- GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm.

3. Hoạt động Thực hành, luyện tập (10 – 15')

- GV tổ chức trò chơi:

- Luật chơi:

+ Ba đội tham gia trò chơi tương ứng với ba nhóm theo các gợi ý đã nêu trong hoạt động khám phá. Mỗi đội khoảng 3 HS:

+ HS1: Đứng cuối hàng, nghĩ ra tên một nguồn năng lượng rồi dùng ngón tay viết lên lưng HS2 (bạn đứng trước mình).

+ HS 2 dùng ngón tay viết tên nguồn năng lượng lên lưng HS3 (bạn đứng đầu hàng).

+ HS3 viết mô tả vai trò của nguồn năng lượng đó lên bảng rồi giơ lên cho các bạn dưới lớp đoán tên đó là nguồn năng lượng gì.

+ HS nào dưới lớp đoán đúng tên nguồn năng lượng sẽ được tuyên dương.

+ Trong 10 phút, đội nào có nguồn năng lượng được đoán đúng nhiều nhất sẽ là đội chiến thắng.

- GV tổng kết trò chơi.

- GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.

4. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV mời HS chia sẻ về một số nguồn năng lượng của gia đình, địa phương em, giải thích vai trò của những nguồn năng lượng đó.

- GV nhận xét tuyên dương.

- Nhận xét sau tiết dạy.

- Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

KHOA HỌC**Bài 7: VAI TRÒ CỦA NĂNG LƯỢNG (TIẾT 14)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Năng lực khoa học tự nhiên: Trình bày được một số nguồn năng lượng thông dụng và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hàng ngày.
- Vận dụng được kiến thức về năng lượng trong cuộc sống thực tế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)**

- Giáo viên tổ chức cho học sinh hát bài “Những lá thuyền ước mơ”
- GV đặt câu hỏi để dẫn dắt vào bài: Nhờ đâu mà những chiếc thuyền của các bạn nhỏ có thể đi đến bao miền?
- GV kết nối với tiết học: Ngoài năng lượng nước chảy và năng lượng gió, con người còn sử dụng những nguồn năng lượng nào? Chúng ta tiếp tục tìm hiểu bài học ngày hôm nay “Vai trò của năng lượng” (tiết 2)..
- GV giới thiệu bài, ghi bảng.

2. Hoạt động Khám phá, hình thành kiến thức (8 – 10’)**2.1. Tìm hiểu cách sử dụng nguồn năng lượng thông dụng.**

- GV yêu cầu học sinh đọc nội dung khung thông tin và trả lời một số câu hỏi, mời một học sinh đọc trước lớp.
 - + Con người sử dụng năng lượng để làm gì?
 - + Con người sử dụng nguồn năng lượng được lấy từ đâu?
- GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ: Quan sát hình 2, cho

biết các máy móc, phương tiện trong hình sử dụng nguồn năng lượng nào và sử dụng vào việc gì ở mỗi hình?



- GV hướng dẫn thảo luận, giao lưu giữa các nhóm, lưu ý gợi ý một số câu hỏi:
- + Trong các nguồn năng lượng em biết năng lượng nào được lấy từ tự nhiên? Năng lượng nào do con người tạo ra?
- GV xác nhận một số ý kiến đúng: Các nguồn năng lượng được lấy từ tự nhiên (năng lượng mặt trời, gió, nước chảy, ..) và năng lượng do con người tạo ra (điện).
- GV nhận xét, tuyên dương.

Hoạt động khám phá 2.

- GV yêu cầu HS dựa vào Phiếu giao việc đã chuẩn bị trước để trình bày việc sử dụng năng lượng ở gia đình mình theo gợi ý:
- + Nêu những nguồn năng lượng gia đình em sử dụng hằng ngày.
- + Mỗi nguồn năng lượng đó được sử dụng vào những việc gì?
- GV yêu cầu một số học sinh trình bày kết quả.
- GV nhận xét, chốt ý.
- GV yêu cầu cá nhân HS đọc mục “Em có biết?” và trả lời câu hỏi: Ngoài những nguồn năng lượng thông dụng, con người đang hướng tới khai thác và sử dụng thêm những nguồn năng lượng có sẵn trong tự nhiên. Đó là những nguồn năng lượng nào?
- GV cung cấp thêm thông tin về các nguồn năng lượng thủy triều và năng lượng sinh khối cho HS qua hình ảnh hoặc video sưu tầm được.

3. Hoạt động Thực hành, luyện tập (10 – 15’)

- GV tổ chức trò chơi: “Vòng quay may mắn”
- Luật chơi:

+ Vòng quay may mắn sẽ chọn tên bất kỳ học sinh nào lên bốc thăm 2 câu hỏi trong SGK trang 29.

+ Học sinh nào không trả lời được có thể nhờ sự trợ giúp từ bạn khác.

Câu hỏi 1. Khi đạp xe nhanh trong khoảng 30 phút, em cảm thấy thế nào? Nguồn năng lượng nào làm cho xe chuyển động? Năng lượng của em được lấy từ đâu?

Câu hỏi 2. Khi đạp xe xuôi theo chiều gió, em sẽ cảm thấy mất ít hay nhiều sức hơn khi đạp xe ngược chiều gió? Nguồn năng lượng nào đã làm ảnh hưởng đến việc đạp xe của em?

- GV cho học sinh nhận xét, bổ sung.

- GV tổng kết trò chơi.

- GV nhận xét chung tuyên dương.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5’)

- GV củng cố kiến thức của bài học.

+ Qua bài học này, em biết những nguồn năng lượng nào?

+ Con người sử dụng năng lượng vào những việc gì?

- Giáo viên yêu cầu học sinh đọc phần “Em đã học” giao nhiệm vụ về nhà, khuyến khích mỗi học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập ở mục “Em có thể” sau đó trao đổi với các bạn và thầy cô.

- Nhận xét sau tiết dạy.

- Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN

Bài 14: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 31)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Hệ thống, củng cố kiến thức về số thập phân, so sánh số thập phân, viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân, làm tròn số thập phân.
- Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến các nội dung về số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Phân số $\frac{5}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,5 B. 0,05 C. 0,005 D. 0,0005

+ Câu 2: Chọn dấu thích hợp điền vào chỗ chấm

9,468 9,48

A. < B. > C. =

+ Câu 3: Giá trị của chữ số 5 trong số thập phân 19, 357 là

A. $\frac{6}{10}$ B. $\frac{6}{100}$ B. $\frac{6}{1000}$ D. $\frac{6}{10000}$

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25’)

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2 (Trang 45/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

Bài 1.

- HS đọc đề bài.
- HS thực hiện cá nhân.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- HS báo cáo kết quả.
- GV nhận xét.

Bài 2.

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài.
- HS tìm ra hướng giải rồi trả lời câu hỏi của bài toán.
- GV đặt câu hỏi thêm:
 - + Vậy xe ô tô nào chở nặng nhất?
- GV mời HS nêu kết quả.
- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi
“Cầu thang – Cầu trượt”.
- GV yêu cầu HS đọc cách chơi rồi chia sẻ cách chơi với bạn.
- Cách chơi:
 - + Chơi theo nhóm
 - + Trò chơi kết thúc khi có người về đích.
- GV tổ chức cho HS chơi theo nhóm.
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

Bài 15: KI-LÔ-MÉT VUÔNG, HÉC-TA (TIẾT 32)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta), thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích (km^2 , ha).
- Vận dụng được các đơn vị đo diện tích km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta) vào bài giải bài tập.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

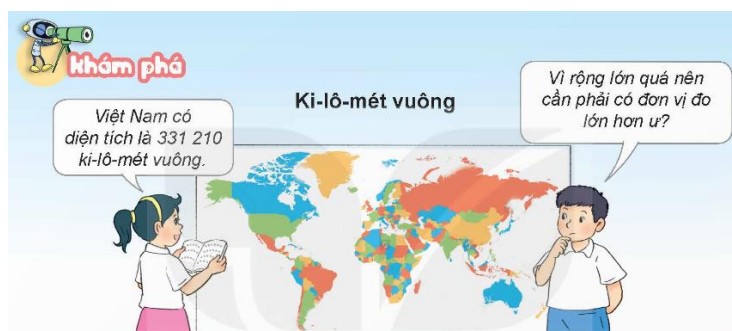
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong SGK trang 53.



- GV và HS cùng chia sẻ thông tin.
 - HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học.
 - GV Nhận xét, tuyên dương.
 - GV dẫn dắt vào bài mới.
- + Để đo diện tích lớn như diện tích một thành phố, một khu rừng hay một vùng biển... người ta thường dùng đơn vị ki-lô-mét vuông.
- GV yêu cầu HS đọc lại phần giới thiệu ki-lô-mét vuông ở khung xanh trong SGK trang 53.
- ### 2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')
- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 53/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp

chăm chữa bài.

Bài 1.

- HS đọc đề bài.
- HS thực hiện cá nhân.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- HS báo cáo kết quả.
- GV nhận xét.

Bài 2.

- HS làm bài cá nhân.
- HS nêu kết quả.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

Bài 3.

- HS đọc đề bài.
- HS thực hiện cá nhân.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- HS báo cáo kết quả.
- GV nhận xét.

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi
“Cầu thang – Cầu trượt”.
- GV yêu cầu HS đọc cách chơi rồi chia sẻ cách chơi với bạn.
- Cách chơi:
 - + Chơi theo nhóm
 - + Trò chơi kết thúc khi có người về đích.
- GV tổ chức cho HS chơi theo nhóm.
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN**Bài 15: KI-LÔ-MÉT VUÔNG, HÉC-TA (TIẾT 33)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta), thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích (km^2 , ha).
- Vận dụng được các đơn vị đo diện tích km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta) vào bài giải bài tập.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)**

- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong SGK trang 4.



- GV và HS cùng chia sẻ thông tin.
- GV yêu cầu HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học.
- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

+ Để đo diện tích đất trong những ngành như nông nghiệp, lâm nghiệp người ta thường dùng đơn vị: héc-ta.

- GV yêu cầu HS đọc lại phần giới thiệu héc-ta ở khung xanh trong SGK trang 54.

2. Hoạt động khám phá, hình thành kiến thức mới (8 – 10')

1. Giới thiệu đơn vị đo diện tích: héc – ta.

- GV cho HS đọc lại bóng nói ở phần **Khởi động**.

- GV đặt câu hỏi: “Theo em, đơn vị đo héc-ta dùng để đo diện tích nào?”

2. Đơn vị đo héc – ta.

- GV yêu cầu HS tìm hiểu thêm các thông tin về đơn vị đo diện tích héc – ta.

- GV chốt lại kiến thức:

+ **Héc – ta là diện tích của hình vuông có cạnh 100 m.**

+ **Héc – ta viết tắt là ha**

+ **$1 \text{ ha} = 10\,000 \text{ m}^2$.**

+ **$1 \text{ km}^2 = 100 \text{ ha}$.**

3. Hoạt động luyện tập thực hành (10 – 15')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2 (Trang 55/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- GV yêu cầu học sinh đọc đề bài, quan sát thông tin trong SGK.

- HS thảo luận nhóm đôi, ghi lại kết quả vào vở.

- Đại diện nhóm lên trình bày kết quả, giải thích bài làm.

- GV nhận xét, chốt đáp án.

Bài 2.

- Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề bài.

- HS làm bài cá nhân vào vở.

- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.

- HS chia sẻ kết quả.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- Trò chơi: “Ai nhanh, ai đúng”

Câu 1: Đơn vị đo diện tích héc – ta được kí hiệu là:

- A. ha. B. km^2 . C. m^2 . D. km.

Câu 2: Diện tích hình vuông có cạnh 500 m là:

- A. 250 ha. B. 2 500 ha.
C. 2,5 ha. D. 25 ha.

Câu 3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm. $19 \text{ ha} = \dots\dots \text{m}^2$

- A. 190. B. 1 900.
C. 19 000. D. 190 000.

Câu 4: Số thích hợp điền vào “?” là: $14\,500 \text{ m}^2 = \dots\dots \text{ha}$

- A. 14,5. B. 1,45. C. 145. D. 0,145.

Câu 5: Khẳng định nào sau đây **sai**?

- A. $12 \text{ km}^2 = 1\,200 \text{ ha}$.
B. $1,2 \text{ km}^2 = 120 \text{ ha}$.
C. $750 \text{ ha} = 75 \text{ km}^2$.
D. $750 \text{ ha} = 7,5 \text{ km}^2$.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN

Bài 16: CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH (TIẾT 34)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhắc lại và củng cố kiến thức về các đơn vị đo diện tích đã học.

- Thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong SGK trang 56.
- GV và HS cùng chia sẻ thông tin.
- GV yêu cầu HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học.
- GV yêu cầu HS hệ thống lại các đơn vị đo diện tích đã học.
- GV trình chiếu bảng các đơn vị diện tích đã học.

Các đơn vị đo diện tích đã học					
Lớn hơn mét vuông		Mét vuông	Bé hơn mét vuông		
km ²	ha	m ²	dm ²	cm ²	mm ²
1 km ²	1 ha	1 m ²	1 dm ²	1 cm ²	1 mm ²
= 100 ha	$= \frac{1}{100} \text{ km}^2$	$= \frac{1}{10\,000} \text{ ha}$	$= \frac{1}{100} \text{ m}^2$	$= \frac{1}{100} \text{ dm}^2$	$= \frac{1}{100} \text{ cm}^2$
	= 10 000 m ²	= 100 dm ²	= 100 cm ²	= 100 mm ²	

- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25’)

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 48/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- HS đọc đề bài.
- HS làm bài vào vở.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.

- GV nhận xét.

Bài 2. ?

- HS đọc yêu cầu của đề bài.
- HS làm bài cá nhân vào vở.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.
- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

Bài 3. Chọn câu trả lời đúng

- | | |
|-----------------------|-----------------------|
| A. 50 cm ² | B. 50 dm ² |
| C. 50 m ² | D. 50 ha |

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả.
- HS nêu kết quả.
- GV nhận xét.
- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm để ước lượng số đo diện tích của một số đồ vật trong lớp.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

TOÁN

Bài 16: CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH (TIẾT 35)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhắc lại và củng cố kiến thức về các đơn vị đo diện tích đã học.
- Thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV yêu cầu HS ghi kết quả vào bảng con

a) $4 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

b) $7 \text{ cm}^2 10 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

c) $14 \text{ km}^2 50 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$

- GV yêu cầu HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2 (Trang 58, 59/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

Bài 1.

- HS đọc đề bài.
- HS thực hiện cá nhân.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS báo cáo kết quả.
- GV nhận xét.

Bài 2.

- HS đọc đề bài.
- HS nêu kết quả.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

Bài 3. Chọn câu trả lời đúng

A. $\frac{3}{5}$ m

B. $\frac{3}{5}$ dm²

C. 600 dm²

D. 60 dm²

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS thảo luận nhóm, thống nhất kết quả.
- HS nêu kết quả.
- GV nhận xét.

Bài 4. SGK trang 59

- HS đọc đề bài.
- HS thực hiện cá nhân vào vở.
- HS trình bày bài làm của mình.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết dạy.
- GV dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN CÙNG CỘ

ÔN TẬP KI – LÔ – MÉT VUÔNG. HÉC – TA (TIẾT 19, 20)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Ôn tập, củng cố kỹ năng đọc, viết, so sánh số đo diện tích theo đơn vị ki – lô – mét vuông, héc – ta.
- Hình thành biểu tượng về đơn vị đo diện tích ki – lô – mét vuông; biết $1 \text{ km}^2 = 1\,000\,000 \text{ m}^2$.
- Hình thành biểu tượng về đơn vị đo diện tích héc – ta, biết $1 \text{ ha} = 10\,000 \text{ m}^2$, $1 \text{ km}^2 = 100 \text{ ha}$.
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng về đơn vị đo diện tích ki – lô – mét vuông và héc – ta đã học vào giải quyết tình huống gắn với thực tế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, phiếu BT.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV chiếu hình ảnh và nêu bài toán:

Hồ Tây có diện tích khoảng 5 km^2 và hồ Gươm có diện tích khoảng 12 ha.



a) Diện tích hồ Tây bằng bao nhiêu héc – ta?

b) Hồ nào có diện tích lớn hơn?

- HS thực hiện cá nhân
- 1 HS có câu trả lời nhanh nhất trình bày kết quả.
- GV nhận xét, tuyên dương, sau đó dẫn dắt vào bài ôn tập.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (60 – 62’)

a. Hoạt động củng cố lý thuyết

- GV nêu câu hỏi:

*Dựa vào bài toán phần **Khởi động**, em hãy:*

+ **HS 1:** Đọc số đo diện tích của hồ Tây và hồ Gươm đã cho ở trong bài.

+ **HS 2:** Diện tích của hồ Tây bằng bao nhiêu mét vuông?

Diện tích của hồ Gươm bằng bao nhiêu mét vuông?

- GV nhận xét, tuyên dương HS nhớ kiến thức.
- GV nhận xét, chuyển sang nội dung làm bài tập.

b. Hoạt động thực hành, luyện tập

- GV phát Phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS hoàn thành vào phiếu (hoàn thành tại nhà nếu hết thời gian).

Bài tập 1:

a) Đọc các độ đo diện tích sau:

- i) $152,25 \text{ km}^2$; ii) $8\,925 \text{ km}^2$;
iii) $10\,000 \text{ ha}$; iv) $2\,057,96 \text{ ha}$.

b) Viết các số đo diện tích sau:

- i) “Bảy mươi lăm phẩy tám mươi hai héc – ta”;
ii) “Chín nghìn năm trăm ki – lô – mét vuông”
iii) “Hai nghìn không trăm linh hai phẩy năm ki – lô – mét vuông”;
iv) “Ba mươi lăm nghìn héc – ta”.

- HS hoàn thành bài tập cá nhân.

- 3 HS lên bảng thực hiện, mỗi HS 2 câu.

- HS nhận xét bài làm trên bảng.

- GV chốt đáp án.

Bài tập 2:

- a) $15 \text{ km}^2 = \dots \text{ m}^2$;
b) $7 \text{ km}^2\,35 \text{ m}^2 = \dots \text{ m}^2$;
c) $15 \text{ km}^2\,100\,000 \text{ m}^2 = \dots \text{ km}^2$;
d) $50\,000 \text{ ha} = \dots \text{ km}^2$;
e) $3 \text{ ha} = \dots \text{ m}^2$;
g) $2,48 \text{ ha} = \dots \text{ m}^2$;

- HS làm bài cá nhân.

- 3 HS lên bảng trình bày, mỗi bạn 1 câu.

- HS còn lại quan sát, nhận xét.

- GV chốt đáp án đúng.

Bài tập 3: Câu nào đúng? Câu nào sai?

a) Hồ nước ngọt tự nhiên lớn nhất Việt Nam là hồ Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn) diện tích khoảng 5 000 000 m² hay 5 ha.

b) Thửa ruộng nhà bác Tư có diện tích là 2 ha hay 20 000 m².

c) Vườn Quốc Gia Ba Vì có diện tích khoảng 108 km² hay 10 800 ha.

d) Diện tích tỉnh Nghệ An khoảng 16 486 km² hay 1 648 600 ha.

- HS làm bài cá nhân.

- GV thu vở chấm 3 HS bất kì và gọi 2 HS lên bảng, mỗi bạn một phần.

- Cả lớp chú ý lắng nghe, nhận xét bài làm của bạn.

- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 4: Cho bảng thống kê diện tích của các thành phố như sau:

Hạ Long	Vinh	Huế	Đà Nẵng
1 119 km ²	105 km ²	226 km ²	1 285 km ²

a) Viết các số đo diện tích của 4 thành phố theo đơn vị đo héc – ta.

b) Viết các số đo diện tích của 4 thành phố theo đơn vị đo mét vuông.

c) Thành phố nào có diện tích nhỏ nhất? Thành phố nào có diện tích lớn nhất?

- HS làm bài cá nhân.

- 1 HS trình bày đáp án, cả lớp chú ý lắng nghe.

- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 5: Bác Năm dự định trồng cây ăn quả trên mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 200 m, chiều rộng bằng $\frac{2}{5}$ chiều dài. Tính diện tích mảnh đất nhà bác Năm theo đơn vị ha.

- GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài.
- HS làm bài cá nhân.
- GV thu vở 3 HS chấm, mời 1 HS trình bày cách giải, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 6: Khu đất hình chữ nhật ở thôn A có chiều dài 300 m, chiều rộng 90 m; khu đất hình vuông ở thôn B có độ dài cạnh là 100 m. Một công ty muốn xây dựng nhà xưởng có diện tích 2,65 ha. Theo em, công ty đó nên chọn khu đất nào để xây nhà xưởng?

- HS làm bài cá nhân.
- GV thu vở 3 HS chấm, mời 1 HS trình bày cách giải, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (1 – 3’)

- GV hướng dẫn HS làm bài vào phiếu, kết hợp chấm chữa bài.

Trường:.....

Lớp:.....

Họ và tên:.....

PHIẾU HỌC TẬP

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: “Năm mươi lăm nghìn hai trăm héc – ta” viết là:

- A. 55 200 km².
- B. 55 200 ha.
- C. 52 500 ha.
- D. 52 500 km².

Câu 2: “Ba mươi sáu phẩy bốn mươi lăm ki – lô – mét vuông” viết là:

A. 36,54 km².

B. 36,45 km².

C. 45,36 km².

D. 36,45 ha.

Câu 3: Số đo diện tích 1 509 km² đọc là:

A. “Một nghìn năm trăm linh chín ki – lô – mét vuông”.

B. “Một nghìn năm trăm chín mươi ki – lô – mét vuông”.

C. “Một nghìn năm trăm linh chín héc – ta”.

D. “Một nghìn năm trăm chín mươi héc – ta”.

Câu 4: Số đo diện tích 960,83 ha đọc là:

A. “Chín trăm sáu mươi phẩy ba mươi tám héc – ta”.

B. “Chín trăm sáu mươi phẩy ba mươi tám ki – lô – mét vuông”.

C. “Chín trăm sáu mươi phẩy tám mươi ba ki – lô – mét vuông”.

D. “Chín trăm sáu mươi phẩy tám mươi ba héc – ta”.

Câu 5: Đáp án nào sau đây là *đúng*?

A. Diện tích của một sân bóng đá là 8 240 m². Diện tích sân bóng đá lớn hơn 1 ha.

B. Diện tích của một sân bóng đá là 8 240 m². Diện tích sân bóng đá lớn hơn 1 km².

C. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 50 m, chiều rộng 20 m. Diện tích thửa ruộng đó bé hơn 1 ha.

D. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 50 m, chiều rộng 20 m. Diện tích thửa ruộng đó là 1 ha.

Câu 6: Đáp án nào sau đây là *sai*?

A. $1 \text{ km}^2 = 1\,000\,000 \text{ m}^2$.

B. $1 \text{ ha} = 10\,000 \text{ m}^2$.

C. $1 \text{ km}^2 = 1\,000\,000 \text{ ha}$.

D. $100 \text{ ha} = 1 \text{ km}^2$.

Câu 7: Khuôn viên một khu vui chơi hình chữ nhật có chiều rộng 50 m, chiều dài gấp bốn lần chiều rộng. Diện tích khu vui chơi (tính theo đơn vị đo héc – ta) là:



A. 1 ha.

B. 10 ha.

C. 100 ha.

D. 1 000 ha.

Câu 8: Người ta muốn xây một trung tâm thể thao cho trẻ em trên mảnh đất có diện tích là 3 ha. Biết diện tích trung tâm thể thao đó chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích mảnh đất. Diện tích trung tâm thể thao là:

A. $15\,000 \text{ m}^2$.

B. $6\,500 \text{ m}^2$.

C. $7\,500 \text{ m}^2$.

D. $8\,500 \text{ m}^2$.

Câu 9: Diện tích khuôn viên quảng trường Ba Đình có dạng hình chữ nhật là 3,2 ha, biết chiều dài khuôn viên quảng trường là 320 m. Chiều rộng khuôn viên là:

A. 200 m.

B. 150 m.

C. 100 m.

D. 50 m.

Câu 10: Tầng 1 của một trung tâm thương mại có diện tích là 2 ha, mỗi gian ở

trung tâm thương mại có diện tích là 50 m^2 . Tầng 1 có số gian hàng là:

- A. 200 gian hàng.
- B. 100 gian hàng.
- C. 500 gian hàng.
- D. 400 gian hàng.

II. Phần tự luận

Bài 1: Hoàn thành bảng sau:

Đọc	Viết
Năm mươi hai nghìn bốn trăm chín mươi héc – ta	
	6,58 ha
Hai mươi lăm phẩy tám trăm bảy mươi lăm ki – lô – mét vuông	
	99,134 km^2
	7 506,29 ha

Bài 2: Bảng sau cho biết diện tích của ba thành phố:

Thành phố	Hà Nội	Hồ Chí Minh	Cần Thơ
Diện tích	3 359,8 km^2	1 284,7 km^2	1 402 km^2

a) Viết diện tích của ba thành phố theo đơn vị đo là héc – ta.

b) Thành phố nào có diện tích bé nhất?

Thành phố nào có diện tích lớn nhất?

.....

.....

.....

Bài 3: Chọn đơn vị đo diện tích (km^2 , ha) thích hợp vào chỗ chấm.

a) Diện tích khu rừng khoảng 5 ...

b) Đại nội Huế có diện tích khoảng 520 ...

c) Diện tích một thành phố khoảng 152 300 ...

Bài 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $12 \text{ km}^2 = \dots \text{ ha}$;

b) $12\,000 \text{ m}^2 = \dots \text{ ha}$;

c) $95\,500 \text{ ha} = \dots \text{ km}^2$;

d) $80\,000\,000 \text{ m}^2 = \dots \text{ km}^2$;

e) $0,15 \text{ km}^2 = \dots \text{ m}^2$;

g) $41,53 \text{ ha} = \dots \text{ m}^2$.

Bài 5: Một khu đất hình chữ nhật có chu vi là 600 m. Biết chiều dài bằng 200 m. Hỏi diện tích khu đất đó là bao nhiêu héc – ta?

Bài giải

.....

Bài 6: Một khu vực trồng chè (trà) có diện tích là $20\,000 \text{ m}^2$. Hằng năm, trung bình cứ 1 ha thu hoạch được 5 tấn chè tươi; 1 tấn chè tươi bán được khoảng 12 000 000 đồng. Hỏi trong một năm, khu vực đó thu được bao nhiêu tiền bán chè tươi?

Bài giải

.....

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN CÙNG CỐ**ÔN TẬP CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH (TIẾT 18)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập, củng cố các đọc, viết các đơn vị đo diện tích.
- Ôn tập, củng cố cách so sánh các đơn vị đo diện tích.
- Vận dụng kiến thức các đơn vị đo diện tích đã học vào giải quyết tình huống gần với thực tế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- GV chiếu hình ảnh và nêu bài toán:

Diện tích trồng chè của tỉnh A khoảng 225 km^2 , diện tích trồng chè của tỉnh B bằng $\frac{1}{4}$ diện tích trồng chè của tỉnh A. Tính diện tích trồng chè của tỉnh B theo đơn vị héc – ta.



- HS thảo luận nhóm đôi.
- GV mời đại diện nhóm có kết quả nhanh nhất trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe và phát biểu ý kiến.
- GV nhận xét, tuyên dương, sau đó dẫn dắt vào bài ôn tập.

2. Hoạt động luyện tập thực hành (20 – 25')**2.1. Củng cố lí thuyết**

- GV nêu câu hỏi:

*Dựa vào bài toán phần **Khởi động**, em hãy cho biết:*

+ **HS 1:** Diện tích trồng chè của tỉnh B bằng bao nhiêu ki – lô - mét vuông?

+ **HS 2:** Em hãy kể tên các đơn vị đo diện tích đã học.

- GV nhận xét, tuyên dương HS nhớ kiến thức.

- GV nhận xét, chuyển sang nội dung làm bài tập.

2.2. Luyện tập

Bài tập 1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $5 \text{ cm}^2 = \dots \text{ mm}^2$;

b) $2 \text{ km}^2 500 \text{ m}^2 = \dots \text{ m}^2$;

c) $15 \text{ cm}^2 3 \text{ mm}^2 = \dots \text{ mm}^2$;

d) $16 \text{ ha} = \dots \text{ m}^2$;

e) $3 \text{ ha} = \dots \text{ km}^2$;

g) $2,48 \text{ m}^2 = \dots \text{ cm}^2$.

- HS hoàn thành bài tập cá nhân.

- 2 HS lên bảng thực hiện, mỗi bạn một phần.

- HS nhận xét bài làm trên bảng.

- GV chốt đáp án.

Bài tập 2: Điền phân số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $3 \text{ mm}^2 = \dots \text{ cm}^2$;

b) $15 \text{ cm}^2 = \dots \text{ dm}^2$;

c) $34 \text{ dm}^2 = \dots \text{ m}^2$;

d) $1 600 \text{ m}^2 = \dots \text{ ha}$;

e) $3 \text{ ha} = \dots \text{ km}^2$.

- GV cho HS làm bài cá nhân.

- 3 HS lên bảng trình bày, mỗi bạn 3 câu.
- HS còn lại quan sát, nhận xét.
- GV chốt đáp án đúng.

Bài tập 3: Câu nào đúng? Câu nào sai?

- a) Diện tích của một sân bóng chuyền là $740 m^2$. Diện tích sân bóng chuyền bé hơn 1 ha.
- b) Diện tích quyển truyện là $112 cm^2$. Diện tích quyển truyện lớn hơn $1 m^2$.
- c) Một thửa ruộng hình vuông có cạnh là 30 m. Diện tích thửa ruộng là 900 ha.
- d) Mỗi phòng học của trường có diện tích khoảng $50 m^2$.

- HS làm bài cá nhân.
- GV thu vở chấm 3 HS bất kì và gọi 1 HS lên bảng, mỗi bạn một phần.
- Cả lớp chú ý lắng nghe, nhận xét bài làm của bạn.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 4 Một căn phòng có diện tích $32 m^2$ được lát bằng các viên gạch vuông bằng nhau gồm hai loại, một loại màu xanh và một loại màu trắng. Mỗi viên gạch có diện tích là $16 dm^2$ và số viên gạch màu trắng là 150 viên. Tính số viên gạch màu xanh dùng để lát căn phòng đó.

- HS làm bài cá nhân.
- 1-2 HS trình bày đáp án, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

Bài tập 5: Một khu đất có diện tích là 6 ha. Người ta sử dụng $\frac{7}{12}$ diện tích đất để xây nhà và làm đường đi, diện tích còn lại để trồng cây xanh. Hỏi diện tích trồng cây xanh là bao nhiêu mét vuông?

- HS làm bài cá nhân.

- GV thu vở 3 HS chấm, mời 1 HS trình bày cách giải, cả lớp chú ý lắng nghe.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bổ sung (nếu có).

3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- Trò chơi: Tìm nhà cho thỏ.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Đơn vị nào sau đây lớn hơn đề – xi – mét vuông trong bảng đơn vị đo diện tích.

- A. mm^2 .
- B. cm^2 .
- C. m^2 .
- D. dm^2 .

Câu 2: Đơn vị nào sau đây bé hơn xen – ti – mét vuông trong bảng đơn vị đo diện tích.

- A. mm^2 .
- B. cm^2 .
- C. m^2 .
- D. dm^2 .

Câu 3: Số thập phân thích hợp điền vào chỗ chấm là:

$$5 \text{ cm}^2 \text{ } 13 \text{ mm}^2 = \dots \text{ cm}^2.$$

- A. 51,3 cm^2 .
- B. 5,13 cm^2 .
- C. 0,513 cm^2 .
- D. 513 cm^2 .

Câu 4: Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

$$4\text{m}^2 \text{ } 22 \text{ cm}^2 = \dots \text{ cm}^2.$$

- A. 422.

B. 402 220.

C. 4 022.

D. 40 022.

Câu 5: Kết quả của phép tính: $5 \text{ dm}^2 3 \text{ cm}^2 + 10 \text{ cm}^2$ là:

A. 5 130 dm^2 .

B. 5 130 cm^2 .

C. 513 dm^2 .

D. 513 cm^2 .

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN TƯ DUY

TIẾT 1: BÀI TOÁN TÍNH TUỔI (TIẾT 13)

DẠNG 2: CHO BIẾT HIỆU SỐ TUỔI VÀ TỈ SỐ TUỔI CỦA HAI NGƯỜI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Giúp học sinh:

- HS biết hiệu số tuổi của hai người không đổi theo thời gian.
- HS giải được các bài toán tính tuổi của hai người khi biết hiệu và tỉ số tuổi của hai người.
- HS yêu thích học Toán.
- Học sinh sẵn sàng chia sẻ với thầy cô, bạn bè về các bài toán liên quan đến kiến thức vừa học.

***Bài tập cần làm:** 100% HS hoàn thành bài tập 1; 2.

60% HS hoàn thành bài tập 3.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu bài tập, file bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động mở đầu: Khởi động: Trò chơi “QZ - Thử tài giải toán” (3 – 5 phút)

- GV sử dụng phương pháp lớp học đảo ngược. Phát phiếu học tập về nhà cho HS chuẩn bị trước.
- GV giới thiệu trò chơi: GV mời 1 HS đọc luật chơi.
- HS trả lời các câu hỏi:
- GV tổng kết trò chơi.
- GV chốt kiến thức - Giới thiệu bài.

2. Hoạt động khám phá: (5 – 8 phút)

- GV chia học sinh thành các nhóm 4, hướng dẫn HS hoạt động theo PP khăn trải bàn.
- HS hoạt động theo dẫn dắt của GV và bầu ra nhóm trưởng của nhóm.
- **GV giới thiệu:** *Anh hơn em 6 tuổi. Hỏi cách đây mấy năm tuổi anh gấp 3 lần tuổi em? Biết năm nay em 8 tuổi.*
- HS làm việc nhóm trong 3 phút.
- HS chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.
- GV nhận xét chốt kết quả.

Bài giải:

- Trước tiên, ta có nhận xét:
Hiệu số tuổi của hai người không thay đổi theo thời gian. Hiện nay, anh hơn em 2 tuổi.

Tuổi của em trước kia là:

$$6 : (3 - 1) \times 1 = 3 \text{ (tuổi)}$$

Trước đây số năm để tuổi anh gấp 3 lần tuổi em là:

$$8 - 3 = 5 \text{ (năm)}$$

Đáp số: 5 năm

3. Hoạt động thực hành vận dụng (15 - 20 phút)

GV hướng dẫn HS làm phiếu bài tập kết hợp chấm chữa bài.

Phiếu bài tập:

LOẠI 2: GIẢI BÀI TOÁN PHỤ ĐỀ TÌM HIỆU SỐ TUỔI CỦA HAI NGƯỜI

Bài 1: Anh hơn em 6 tuổi. Hỏi cách đây mấy năm tuổi anh gấp 3 lần tuổi em? Biết năm nay anh 8 tuổi.

Bài 2: Năm nay tuổi con bằng $\frac{1}{8}$ lần tuổi mẹ. Hỏi sau bao nhiêu năm nữa thì tuổi con bằng $\frac{1}{4}$ lần tuổi mẹ. Biết mẹ hơn con 21 tuổi.

Bài 3: Tuổi con năm nay bằng $\frac{1}{3}$ tuổi cha. Hỏi sau bao nhiêu năm nữa thì tuổi con bằng $\frac{1}{2}$ tuổi cha? Biết rằng khi đó cha hơn con 30 tuổi.

Bài 1:

- GV cho HS tạo nhóm 4 để thảo luận theo PP khăn trải bàn.
- HS thực hành tạo nhóm và hoạt động theo hướng dẫn của GV.
- Các nhóm chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào phiếu.

**Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT*

Bài 2:

- GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập
- HS nêu yêu cầu bài tập vào vở.
- HS lên chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào vở.

**Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT*

** GV củng cố kiến thức:*

4. Hoạt động củng cố (1 - 2 phút)

- GV chốt nội dung bài học.
- Nhận xét kỹ năng làm bài của HS.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TOÁN TƯ DUY**BÀI TOÁN TÍNH TUỔI (TIẾT 14)****DẠNG 3: CHO BIẾT TỔNG SỐ TUỔI VÀ TỈ SỐ TUỔI CỦA HAI NGƯỜI****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Giúp học sinh:

- HS biết hiệu số tuổi của hai người không đổi theo thời gian.
- HS giải được các bài toán tính tuổi của hai người khi biết tổng và tỉ số tuổi của hai người.
- HS yêu thích học Toán.
- Học sinh sẵn sàng chia sẻ với thầy cô, bạn bè về các bài toán liên quan đến kiến thức vừa học.

***Bài tập cần làm:** 100% HS hoàn thành bài tập 1; 2.

60% HS hoàn thành bài tập 3.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Phiếu bài tập, file bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động mở đầu: Khởi động: Trò chơi “Hộp quà bí mật” (3 - 5 phút)



- GV sử dụng phương pháp lớp học đảo ngược. Phát phiếu học tập về nhà cho HS chuẩn bị trước, sau đó sử dụng trò chơi vòng quay may mắn để kiểm tra việc hoàn thành bài tập của HS.
- GV giới thiệu trò chơi: GV mời 1 HS đọc luật chơi.
- HS trả lời câu hỏi trực tiếp.
- HS trả lời các câu hỏi:
- GV tổng kết trò chơi.
- GV chốt kiến thức - Giới thiệu bài.

2. Hoạt động khám phá (5-8 phút)

- GV chia học sinh thành các nhóm 4, hướng dẫn HS hoạt động theo PP khăn trải bàn.
- HS hoạt động theo dẫn dắt của GV và bầu ra nhóm trưởng của nhóm.
- **GV giới thiệu:**
Bài toán: “Tuổi cha gấp 4 lần tuổi con. Tổng số tuổi của 2 người là 50 tuổi. Hỏi sau bao nhiêu năm nữa thì tuổi cha gấp 3 lần tuổi con?”
- HS làm việc nhóm trong 3 phút.
- HS chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.
- GV nhận xét chốt kết quả.

Bài giải:

- GV tổng kết trò chơi.
- GV chốt kiến thức - Giới thiệu bài.

3. Hoạt động thực hành vận dụng: Vận dụng kiến thức để hoàn thành bài tập (15 - 20 phút)

GV hướng dẫn HS làm phiếu bài tập kết hợp chấm chữa bài

Bài 1: Tuổi cha gấp 4 lần tuổi con. Tổng số tuổi của 2 người là 50 tuổi. Hỏi sau bao nhiêu năm nữa thì tuổi cha gấp 3 lần tuổi con?

Bài 2: Tổng số tuổi của hai anh em là 25. Nếu anh bớt đi 3 tuổi và em tăng thêm 2 tuổi thì tuổi hai anh em bằng nhau. Tính tuổi của mỗi người?

Bài 3: Tuổi bà gấp đôi tuổi mẹ. Tuổi con bằng $\frac{1}{5}$ tuổi mẹ. Tổng số tuổi mẹ và con là 36 tuổi. Tính tuổi của mỗi người?

Bài 1:

- GV cho HS tạo nhóm 4 để thảo luận theo PP khăn trải bàn.
- HS thực hành tạo nhóm và hoạt động theo hướng dẫn của GV.
- Các nhóm chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào phiếu.

**Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT*

Bài 2:

- GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập
- HS nêu yêu cầu bài tập vào vở.
- HS lên chia sẻ KQ trước lớp.
- Yêu cầu HS quan sát và nhận xét.
- GV kết hợp chấm chữa bài vào vở.

**Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT*

** GV củng cố kiến thức:*

4. Hoạt động củng cố (2 phút)

- GV chốt nội dung bài học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

Ký duyệt của BGH

Khôi trưởng ký duyệt

Người soạn

Lê Công Thắng

Nguyễn Thị Lan Anh

Cao Thị Huê

